

Bản án số: 03/2024/DS-ST  
Ngày: 15-5-2024  
V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân  
sự về mua bán nông sản*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠ HUOAI, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Lập  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Hữu Vĩnh  
Ông Cao Anh Tuấn

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Thị Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 65/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán nông sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2024/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trường V, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Thôn B, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn L, sinh năm 1975; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Bà Lại Thị Cẩm L1, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

+ Bà Phan Thị T, sinh năm 1978; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn A, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(*Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt; bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt*).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ghi ngày 07 tháng 7 năm 2023 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T1 V trình bày:

Vào ngày 13/5/2023 anh Lê Văn L (anh L) có dân chị Nguyễn Thị Trường V (chị V) đi xem mẫu trái sầu riêng của vườn chị Phan Thị T (chị T), sau khi xem chị V thấy mẫu trái sầu riêng vườn chị T đẹp và đồng ý mua.

Ngày 15/5/2023, anh L có hợp đồng mua trái Sầu riêng trong vườn chị T, mua toàn bộ trái trên cây Sầu riêng để tự thu hoạch với giá 1.150.000.000 đồng (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Cùng ngày giữa anh L và chị V có ký hợp đồng mua bán Sầu riêng. Theo đó hai bên thỏa thuận giá bán Sầu riêng theo kilôgram. Sầu riêng Ri6 giá 42.000đ/kg (bốn mươi hai nghìn đồng trên 1 kilôgram); Sầu riêng Thái giá 52.000đ/kg (năm mươi hai nghìn đồng trên một kilôgram). Sản lượng Sầu riêng Ri6 là 27 tấn và sản lượng Sầu riêng T2 là 10 tấn. Đồng thời, hai bên cũng thỏa thuận chị V đặt cọc cho anh L là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) để đảm bảo hợp đồng mua bán giữa các bên.

Đến ngày 03/6/2023, chị V tiếp tục chuyển vào tài khoản chị T số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng) ứng cho anh L để cắt sầu riêng. Tổng số tiền anh L nhận của chị V để thanh toán cho chị T là 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Tuy nhiên, sau đó chị V và anh L cùng tiến hành thu hoạch Sầu riêng thì sản lượng Sầu riêng lại thiếu (ký hợp đồng 27 tấn Sầu riêng Ri6 chỉ thu lại 13 tấn, 10 tấn sầu riêng T2 chỉ thu lại 5 tấn 4) chi tiết như sau:

Ngày 03/6	Thu Ri6 8940 <sup>kg</sup> x 42.000 <sup>đ</sup>	= 375.480.000 <sup>đ</sup>
+ Hàng kem	610 <sup>kg</sup> x 10.000 <sup>đ</sup>	= 6.100.000 <sup>đ</sup>
+ Hàng bị dập	274 <sup>kg</sup> x 15.000 <sup>đ</sup>	= 4.110.000 <sup>đ</sup>
Ngày 09/6	Thu Ri6 2002 <sup>kg</sup> x 42.000 <sup>đ</sup>	= 84.924.000 <sup>đ</sup>
+ Hàng bị dập đẹp	1250 <sup>kg</sup> x 28.000 <sup>đ</sup>	= 35.000.000 <sup>đ</sup>
Ngày 19/6	Thu Sầu Thái 4440 <sup>kg</sup> x 52.000 <sup>đ</sup>	= 203.880.000 <sup>đ</sup>
	Thu Ri6 43 <sup>kg</sup> x 42.000 <sup>kg</sup>	= 39.606.000 <sup>đ</sup>
Tổng cộng tiền thu được bán Sầu riêng		= 749.100.000 <sup>đ</sup>



Như vậy, tổng số tiền chị **V** thu được là 749.100.000đ (bảy trăm bốn mươi chín nghìn một trăm nghìn đồng). Trong khi đó anh **L** nhận 1.150.000.000đ (một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng) nên số tiền chênh lệch anh **L** còn nợ của chị **V** là 401.000.000đ (bốn trăm lẻ một triệu đồng). Do anh **L2** vi phạm hợp đồng nên chị **V** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **L** có trách nhiệm trả lại số tiền còn chênh lệch là 401.000.000đ (bốn trăm lẻ một triệu đồng) và phạt cọc số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).

- *Quá trình giải quyết bị đơn anh **L** không đến Tòa án làm việc:* Tòa án đã nhiều lần thông báo, tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho anh **L** theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Lại Thị Cẩm L1** trình bày:*

Giữa anh **L** và chị **V** có làm ăn, mua bán Sầu riêng với nhau nhưng việc làm ăn, mua bán giữa anh **L** và chị **V** thì chị **L1** không biết, không tham gia nên không đồng ý cùng có nghĩa vụ liên đới cùng trả nợ với anh **L**

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị **Phan Thị T** trình bày:*

Vào ngày 13/5/2023 anh **L** có đến vườn sầu riêng của chị **T** hỏi mua. Đến ngày 15/5/2023 thì anh **L** có dẫn chị **V** vào cùng xem vườn Sầu riêng một lần nữa và quyết định mua. Theo đó chị **V** là người viết hợp đồng mua bán, cùng ngày chị **V** có đặt cọc số tiền là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Đến ngày 03/6/2023, chị **V** chuyển thêm vào tài khoản chị **T** số tiền 1.000.000.000đ (một tỷ đồng). Sau đó anh **L** thu hoạch sầu riêng theo hợp đồng mua bán giữa các bên.

Đối với việc mua bán Sầu riêng giữa anh **L** và chị **V** thì chị **T** không có tranh chấp vì đã nhận đủ tiền bán Sầu riêng.

*Tại phiên tòa sơ thẩm:*

- *Chị **V** xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với anh **L**. Cụ thể chị **V** chỉ đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh **L** có trách nhiệm trả tiền chênh lệch là 401.000.000đ (bốn trăm lẻ một triệu đồng); rút lại khoản tiền yêu cầu phạt cọc là 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng).*

Về nghĩa vụ trả nợ. Chị **V** cũng xác định nghĩa vụ trả nợ là anh **L** chứ không phải là vợ chồng anh **L**, chị **L1**.

- *Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và đánh giá về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

+ *Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật về tố tụng.*

+ *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là quan hệ tranh chấp “Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán nông sản” thuộc*

thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 26, 35, 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

+ Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Đa Huoai đã thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng là đúng pháp luật.

+ Về nội dung:

Ngày 15/5/2023 giữa anh **L** và chị **V** có ký hợp đồng mua bán Sầu riêng. Theo đó hai bên thỏa thuận giá bán Sầu riêng theo kilôgram. Sầu riêng Ri6 giá 42.000đ/kg (*bốn mươi hai nghìn đồng trên 1 kilôgram*); Sầu riêng Thái giá 52.000/kg (*năm mươi hai nghìn đồng trên một kilôgram*). Sản lượng Sầu riêng Ri6 là 27 tấn và sản lượng Sầu riêng **T2** là 10 tấn tương ứng với số tiền là 1.150.000.000đ (*một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Chị **V** đã đặt cọc và chuyển tiền ứng trước để anh **L** thu hoạch Sầu riêng tại vườn Sầu riêng chị **T** với số tiền là 1.150.000.000đ (*một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, do anh **L** vi phạm hợp đồng (*không giao đủ sản lượng Sầu riêng*) nên chị **V** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **L2** có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền còn chênh lệch là 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*) tương ứng với sản lượng Sầu riêng còn thiếu. Trong khi đó anh **L** đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, biết được chị **V** khởi kiện nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị **V** và không đến Tòa án tham gia phiên tòa, như vậy coi như anh **L** đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng; quyền tự bảo vệ về quyền, lợi ích của bị đơn nên yêu cầu khởi kiện của chị **V** là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên Tòa hôm nay chị **V** xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về số tiền phạt cọc là 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*). Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị **V** là tự nguyện nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Chị **V** không yêu cầu chị **L1** cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh **L**. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chỉ buộc anh **L** có nghĩa vụ trả nợ cho chị **V**.

Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền hoàn trả.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

1. Hợp đồng mua vườn sầu riêng giữa anh **Lê Văn L** và chị **Phan Thị T** (bản photocopy)
2. Hợp đồng mua bán trái sầu riêng giữa anh **Lê Văn L** và chị **Nguyễn Thị Tường V1** ngày 15/5/2023 (bản chính).
3. Các bản sao kê chuyển tiền (bản chính).
4. 01 căn cước công dân của chị **Nguyễn Thị Tường V1** (*bản sao*).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**



Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của nguyên đơn; ý kiến của Đại diện viện kiểm sát.

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của chị **V1**, các tài liệu có trong hồ sơ, xác minh thực tế tại địa phương thì anh **L** có nơi cư trú tại **xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành triệu tập, thông báo hợp lệ đối với anh **L** đến Tòa tham gia tố tụng anh **L** đã nhận được các Thông báo, văn bản tố tụng, giấy triệu tập ... nhưng anh **L** cố tình không đến Tòa làm. Đồng thời Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị **L1**, chị **T** có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh **L**, chị **L1** và chị **T** theo quy định.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp; thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ngày 15 tháng 5 năm 2023. Giữa chị **V1** và anh **L** có thỏa thuận ký hợp đồng mua bán Sầu riêng. Quá trình thực hiện hợp đồng theo chị **V1** là anh **L** giao không đủ số lượng như đã cam kết nên phải hoàn trả lại số tiền chênh lệch nhưng anh **L** không hoàn trả tiền theo yêu cầu của chị **V1** nên phát sinh tranh chấp. Chị **V1** làm đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai. Tại thời điểm Tòa án thụ lý đơn và giải quyết vụ án thì xác định anh **L** có nơi cư trú tại **xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng**. Vì vậy, theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng đồng dân sự về mua bán nông sản*”. Tòa án nhân dân huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng dân sự.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **V1** thấy rằng:

Ngày 15/5/2023 giữa anh **L** và chị **V1** có ký hợp đồng mua bán Sầu riêng. Theo đó hai bên thỏa thuận giá bán Sầu riêng theo kilôgram. Sầu riêng Ri6 giá 42.000đ/kg (*bốn mươi hai nghìn đồng trên 1 kilôgram*); Sầu riêng Thái giá 52.000/kg (*năm mươi hai nghìn đồng trên một kilôgram*). Sản lượng Sầu riêng Ri6 là 27 tấn và sản lượng Sầu riêng **T2** là 10 tấn tương ứng với số tiền là 1.150.000.000đ (*một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Chị **V1** đã đặt cọc và chuyển tiền ứng trước để anh **L** thu hoạch Sầu riêng tại vườn Sầu riêng chị **T** với số tiền là 1.150.000.000đ (*một tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Tuy nhiên, do anh **L** vi phạm hợp đồng (*không giao đủ sản lượng Sầu riêng*) nên chị **V1** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **L2** có trách nhiệm hoàn trả lại số tiền còn chênh lệch là 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*) tương ứng với sản lượng Sầu riêng còn thiếu. Trong khi đó anh **L** đã nhận được thông báo thụ lý

vụ án, biết được chị **V1** khởi kiện nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị **V1** và không đến Tòa án tham gia phiên tòa, như vậy coi như anh **L** đã từ bỏ quyền tham gia tố tụng; quyền tự bảo vệ về quyền, lợi ích của bị đơn nên yêu cầu khởi kiện của chị **V1** là có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Chị **V1** cho rằng anh **L** đã vi phạm nghĩa vụ (giao không đủ sản lượng) nên yêu cầu phạt cọc với số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị **V1** xin rút lại một phần yêu cầu này. Xét việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị **V1** là tự nguyện nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về nghĩa vụ liên đới trả nợ: Theo hợp đồng mua bán sầu riêng chủ thể tham gia ký kết là anh **L**. Giao dịch dân sự này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì vợ chồng anh **L**, chị **L1** phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho chị **V1**. Tuy nhiên, chị **V1** không yêu cầu chị **L1** cùng có nghĩa vụ trả nợ với anh **L**. Do vậy, chỉ buộc anh **L** có nghĩa vụ trả nợ cho chị **V1** là đúng pháp luật.

[3.4] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị **V1** không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **L** trả lãi do vi phạm nghĩa vụ hoàn trả tiền nên Hội đồng xét xử không xem xét là đúng pháp luật.

[3.5] Tại phiên tòa sau khi tính toán lại số liệu thì số tiền thực tế anh **L** có nghĩa vụ hoàn trả cho chị **V1** là 400.900.000 đồng (bốn trăm triệu chín trăm ngàn đồng), tuy nhiên theo đơn khởi kiện thì chị **V1** chỉ yêu cầu anh **L2** có nghĩa vụ hoàn trả số tiền là 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*) nên Hội đồng xét xử chỉ buộc anh **L** có nghĩa vụ hoàn trả số tiền là 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*) đúng pháp luật.

[3.6] Trường hợp nếu có phát sinh tranh chấp giữa chị **T** và anh **L** về hợp đồng mua bán Sầu riêng với nhau thì được xem xét giải quyết bằng một vụ án khác.

[4] Từ những nhận định như trên tại mục [3.1], [3.2], [3.3], [3.4], [3.5] [3.6] cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị **V1**. Buộc anh **L** có nghĩa vụ hoàn trả cho chị **V1** số tiền 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*).

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức án phí có giá ngạch trên số tiền trả nợ. Chị **V1** không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đa Huoai.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 326, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 433, Điều 437 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trường V đối với bị đơn anh Lê Văn L về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán nông sản*”.

2. Buộc anh Lê Văn L có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị T1 V số tiền là 401.000.000đ (*bốn trăm lẻ một triệu đồng*).

*Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp lực hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định của pháp luật.*

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tường V1 đối với bị đơn anh Lê Văn L đối với số tiền 150.000.000 đồng (*một trăm năm mươi triệu đồng*).

Về hậu quả pháp lý của việc rút một phần yêu cầu khởi kiện: Việc khởi kiện lại được thực hiện theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí: Anh Lê Văn L phải chịu 20.040.000 đồng (*hai mươi triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tường V1 được trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 26.040.000 (*hai mươi sáu triệu không trăm bốn mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007323 ngày 20 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đa Huoai, tỉnh Lâm Đồng.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKS tỉnh Lâm Đồng (01);
- VKSND huyện Đa Huoai (02);
- Chi cục THADS huyện Đa Huoai (02);
- Công thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Các đương sự (04);
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Ấn văn (03);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Văn Lập**